TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-PT.
Ngày: 29/02/2024.
"V/v Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất thầu khoán và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Ngọc Trung.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Hương và ông Nguyễn Đức Nam.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý 76/2023/ TLPT-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất thầu khoán và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn***: Bà Dương Thị V, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Văn P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Xóm 8, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q – có mặt.

* ***Bị đơn***: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1960; Trú quán tổ 3 phường Nông T, TP. Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q – có mặt.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Trần Văn V1, sinh năm 1977;
2. Anh Trần Đức V2, sinh năm 1980;
3. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1982;
4. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, Tuyên Q (đều vắng mặt).

Ông Trần Văn V1, anh Trần Đức V2, anh Trần Văn Đ, anh Trần Văn H1 cùng ủy quyền cho ông Vương Văn P, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 8, xã Tràng Đ, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q .

5. Ông Quách Công T; Địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, Tuyên Q – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q – có mặt.

6. HTX NLN Hoàng K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn Th – chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, Tuyên Q – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên toà, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà V là vợ ông Trần Văn X, sinh năm 1949, trú tại: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q, đã chết năm 2018. Vợ chồng Bà V sinh được 07 người con gồm Trần Văn Ch, Trần Văn A, Trần Thị N, Trần Văn V1, Trần Đức V2, Trần Văn H1, Trần Văn Đ. Trong đó cháu Ch, cháu H2, cháu N đều đã chết trước ông Trần Văn X. Nay bà chỉ còn 4 người con là V1, V2, H1, Đ.

Khi còn sống vào ngày 01/01/2009 chồng bà là ông Trần Văn X có ký hợp đồng số 02/HĐ- HTX với HTX NLN Hoàng K về việc thầu chăn nuôi cá tại Đầm Tr – Yên T. Tóm tắt nội dung hợp đồng: đối tượng thầu là Đầm Tr tại thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S; diện tích là 20.520m^2; mục đích để chăn nuôi cá. Thời gian thầu là 25 năm kể từ ngày 01/01/2009, kết thúc vào ngày 31/12/2034. Giá trị thuê 6 năm đầu là 700kg thóc/ 1 năm, các năm tiếp theo trả 750kg thóc / 1 năm, quy ra tiền mặt tương ứng với giá trị tại thời điểm thanh toán. Ngay khi ký hợp đồng ông X phải đóng trước số thóc của năm cuối cùng (năm 2034) để đảm bảo việc thuê, khi kết thúc hợp đồng sẽ thanh quyết toán sau. Hợp đồng được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các thành phần. Sau khi nhận thầu gia đình bà đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng đúng như các điều khoản đã ký kết. Cụ thể hàng năm đóng tiền thuê đầm đầy đủ, sử dụng đất đúng mục đích nuôi cá như quy định trong hợp đồng.

Ngoài ra quá trình sử dụng đất, gia đình Bà V còn tôn tạo khai phá thêm được một phần diện tích đất ven bờ bỏ hoang xung quanh Đầm Tr.

Năm 2018, ông X chết, Bà V là vợ ông X là người thừa kế, tiếp tục sử dụng đất Đầm Tr và đóng tiền thuê cho Hợp tác xã theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên từ đầu năm 2022 bà Lưu Thị H tự ý sử dụng diện tích đất Đầm Tr nêu trên. Gia đình Bà V có hỏi lý do thì được bà H trả lời bà đã được Hợp tác xã cho thuê diện tích đất Đầm Tr này nhưng không xuất trình được văn bản. Đại diện Hợp tác xã vẫn xác định hợp đồng của ông X và Hợp tác xã vẫn còn thời hạn. Việc bà H sử dụng đất đã được cho thuê của gia đình nếu gia đình không đồng ý thì có quyền khởi kiện để đòi lại.

Ngoài ra bà Lưu Thị H còn có hành vi ngang nhiên lấn chiếm đất đường đi vào nhà gia đình Bà V bằng hình thức rào cổng đường đi chung từ nhà bà qua đường bờ

đập nối ra thôn Yên T. Bà H cho rằng đây là đất của bà H đã thuê trong diện tích đất Đầm Tr thuê của hợp tác xã, từ đó gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt sản xuất của gia đình bà.

Do quyền lợi bị xâm phạm nên bà làm đơn khởi kiện này đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết yêu cầu sau:

1. Buộc bà Lưu Thị H phải trả lại gia đình Bà V toàn bộ diện tích đất Đầm Tr mà chồng bà là ông Trần Văn X đã thuê của HTX NLN Hoàng K theo hợp đồng số 02/HĐ- HTX ngày 01/01/2009.

2. Buộc bà Lưu Thị H phải trả lại gia đình bà toàn bộ diện tích đất đường đi, là đường bờ hồ Đầm Tr nối từ nhà Bà V ra đường thôn Yên T, xã Hoàng K, đoạn đường rộng khoảng 4m, dài khoảng 60m. Tổng diện tích khoảng 240m^2.

3. Công nhận hợp đồng số 02/HĐ- HTX ngày 01/01/2009 ông Trần Văn X đã ký với HTX NLN Hoàng K còn hiệu lực. Người kế thừa thực hiện hợp đồng là bà và các con bà.

4. Xác định và công nhận phần diện tích đất tăng thêm ngoài diện tích thuê Đầm Tr là diện tích đất do gia đình khai hoang khai phá trong quá trình sử dụng đất. Tổng diện tích khai hoang, khai phá thêm là khoảng 7.000m^2 đất xung quanh bờ Đầm.

Sau đó nguyên đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị Tòa án buộc bà Lưu Thị H phải trả lại gia đình bà toàn bộ diện tích đất Đầm Tr mà chồng bà là ông Trần Văn X đã thuê của HTX NLN Hoàng K theo hợp đồng số 02/HĐ-HTX ngày 01/01/2009.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lưu Thị H trình bày:

Hiện nay bà đang sử dụng 02 diện tích đất tại Đầm Tr, bà không rõ số thửa tờ bản đồ nào, chỉ biết trước đây ông Trần Văn X, chồng bà Dương Thị V có sử dụng diện tích đất này để chăn nuôi cá. Việc ông X thầu của Hợp tác xã diện tích đất Đầm Tr bà có biết.

Lý do bà sử dụng hai diện tích đất này là vì vào khoảng đầu năm 2022 bà được anh Trần Văn H1, con Bà V ở cùng thôn đồng ý chuyển nhượng lại cho bà quyền sử dụng diện tích đất Đầm Tr nêu trên. Lý do chuyển nhượng là vì gia đình anh H1 không có khả năng làm tiếp nên chuyển nhượng lại quyền thầu khoán cho vợ chồng bà, khi chuyển nhượng do là anh em trong nhà nên anh H1 không lấy bà khoản tiền nào. Việc chuyển nhượng được lập bằng giấy viết tay do anh H1 viết và ký. Sau đó hợp tác xã Hoàng K đã có biên bản bàn giao đất Đầm Tr ngày 28/01/2022 và giao cả hợp đồng thầu đất năm 2009 mà ông Trần Văn X đã ký trước đây cho bà. Sau khi được giao, bà thuê máy xúc nạo vét cải tạo đất, diện tích cải tạo thửa đất bên dưới là toàn bộ cả thửa với số tiền 437.000.000đ (bốn trăm ba mươi bảy triệu đồng), đào đất sâu thêm và kè lên bờ độ cao khoảng 6-7m tính từ mặt bờ đầm xuống đến đáy. Đối với thửa đất bên trên bà đã cải tạo khoảng ½ diện tích, chi phí bà chưa hạch toán được. Nay Bà V khởi kiện bà không nhất trí vì bà không liên quan gì với Bà V. Bà chỉ sử dụng đất theo giao đất của hợp tác xã.

Quá trình giải quyết vụ án, người liên quan là HTX Nông lâm nghiệp Hoàng K do ông Ma Văn Th - Giám đốc HTX trình bày: ngày 01/01/2009 ông Trần Văn X có ký hợp đồng số 02/HĐ- HTX với HTX NLN Hoàng K về việc thầu chăn nuôi cá tại Đầm Tr – Yên T; nội dung hợp đồng như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy

nhiên tại hợp đồng thầu khoán số 02 nêu trên không ghi số thửa, số tờ bản đồ cho thầu khoán mà chỉ ghi diện tích thầu khoán là 20.520m2. Sau khi ông X chết, các thành viên gia đình ông X tiếp tục sử dụng đất theo hợp đồng. Năm 2021 con ông X là anh Trần Văn H1 dùng máy cuốc đất san gạt mặt bằng đã cuốc vào cả một phần thửa đất của người khác, lấn sang phần đất của một số hộ dân dẫn đến tranh chấp. Sau đó lãnh đạo UBND xã Hoàng K đã chỉ đạo Hợp tác xã làm rõ diện tích đất cho ông X thầu theo hợp đồng số 02. Ngày 10/6/2021, HTX Hoàng K đã cùng cán bộ địa chính, trưởng thôn Yên T và đại diện gia đình ông X là anh Trần Văn H1 đến thực địa xem xét để xác định diện tích đất mà ông X đã nhận thầu của HTX theo Hợp đồng số 02.

Theo đó xác định rõ nguồn gốc đất Đầm Tr là do các xã viên hợp tác xã trước đây khai hoang phục hóa, sau này hợp thành lại thành quỹ đất của Hợp tác xã. Đất Đầm Tr bao gồm các thửa đất số 16, diện tích 15.050m2; thửa đất số 86, diện tích 5.925m2; thửa số 6, diện tích 2.650m2; thửa đất số 72, diện tích 7.795m2; thửa 11 diện tích 860m2. Trên cơ sở ý kiến xác nhận của các bên và xem xét thực tế, các bên thống nhất xác định diện tích đất Đầm Tr mà HTX Hoàng K cho ông X thầu theo hợp đồng số 02 chỉ gồm 2 thửa đất là thửa 16 và thửa 86. Đối với thửa số 11 đã ghi trong sổ thuế nông nghiệp của bà Dương Thị V, Bà V đã sử dụng ổn định từ trước nên không còn là đất của Hợp tác xã. Đối với thửa đất số 72, năm 2021 HTX đã cho ông Trần Ngọc K thầu, thửa số 6 năm 2022 HTX cho ông Bùi Hải D ở cùng thôn Yên T thầu. Về phần diện tích chênh lệch của 02 thửa đất ông X thuê thầu khoán giữa hợp đồng số 02 và bản đồ 299 khoảng 400m nguyên nhân vì sao thì ông không xác định được vì phụ thuộc vào việc cho thầu của HTX giai đoạn năm 2009. Ông chỉ tiếp nhận làm giám đốc Hợp tác xã từ năm 2014. Tại biên bản giao đất năm 2009 Hợp tác xã có ghi giao toàn bộ đất Đầm Tr có nghĩa là giao toàn bộ diện tích đất 20.520m2, không phải là giao toàn bộ các thửa đất Đầm Tr.

Về việc bà Lưu Thị H hiện nay sử dụng 02 thửa đất trên, lý do như sau: Năm 2021 ông Trần Văn H1 nộp cho Hợp tác xã 01 đơn thừa kế sử dụng đất Đầm Tr theo hợp đồng số 02 có chữ ký của các thành viên gia đình thì HTX đã có văn bản giao đất cho ông Trần Văn H1 sử dụng. Sau đó ông H1 có đơn chuyển nhượng lại hợp đồng thầu cho bà Lưu Thị H và ông Quách Công T nên HTX làm biên bản bàn giao cho bà H sử dụng. Việc HTX bàn giao chỉ là ở giữa trung gian ghi nhận sự chuyển giao sử dụng, chuyển giao hợp đồng thầu khoán số 02 giữa ông H1 và bà H, ông T. Bản chất hợp đồng thầu khoán số 02 vẫn còn giá trị hiệu lực, chỉ khác đối tượng trực tiếp sử dụng vì có sự bàn giao giữa các bên.

Quá trình giải quyết vụ án, người liên quan ông Trần Văn H1 trình bày:

Bố ông là ông Trần Văn X, sinh năm 1949 (đã chết năm 2018), mẹ ông là bà Dương Thị V, sinh năm 1950. Bố mẹ ông sinh được 07 người con là: Trần Văn Ch, Trần Văn A, Trần Thị N, Trần Văn V1, sinh năm 1977; Trần Đức V2, sinh năm 1980; Trần Văn H1, sinh năm 1982; Trần Văn Đ, sinh năm 1992. Các anh chị Ch, A, N đều đã chết trước bố ông. Hiện nay ông còn 04 anh em và mẹ ông là bà Dương Thị V đều trú tại: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, Tuyên Q. Khi bố ông còn sống, vào ngày 01/01/2009 bố ông đại diện cho gia đình ký hợp đồng số 02/HĐ- HTX với HTX NLN Hoàng K để nhận thầu chăn nuôi cá tại Đầm Tr – Yên T; nội dung hợp đồng đúng như nguyên đơn đã trình bày. Hợp đồng được lập thành văn bản có đầy đủ chữ

ký của các thành phần. Sau khi nhận thầu gia đình ông đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng.

Ngoài ra quá trình sử dụng đất, gia đình ông còn tôn tạo khai phá thêm được một phần diện tích đất ven bờ bỏ hoang xung quanh Đầm Tr. Năm 2018, bố ông chết, ông là người thừa kế, tiếp tục cùng các thành viên trong gia đình ông sử dụng đất Đầm Tr.

Về việc chuyển nhượng hợp đồng thầu Đầm Tr cho bà Lưu Thị H, ông trình bày như sau: Năm 2018 bố ông già yếu chết, gia đình ông tiếp tục sử dụng đất Đầm Tr. Khoảng năm 2021, ông không nhớ ngày, bà H có bảo ông viết giấy ký chuyển nhượng cho bà H thầu đất Đầm Tr, khi đó ông say rượu không biết gì nên ông có ký nhưng không nhớ chính xác nội dung chuyển nhượng như thế nào. Từ đầu năm 2022 bà Lưu Thị H sử dụng diện tích đất Đầm Tr nêu trên. Ông có hỏi bà H thì bà H bảo ông đã chuyển nhượng đất cho bà H và có cả thỏa thuận chia thừa kế của các thành viên trong gia đình, ông xem lại các giấy tờ đó thì không phải chữ ký của mẹ và các anh em của ông. Nay ông có ý kiến đề nghị hủy bỏ giấy tờ chuyển nhượng đất Đầm Tr giữa ông và bà H, vì đây là đất chung của cả gia đình, ông không thể tự bán một mình được. Đơn thừa kế cũng không phải chữ ký của các thành viên trong gia đình nên không có căn cứ bán cho bà H.

Quá trình giải quyết vụ án, người liên quan Trần Văn V1, Trần Văn Đ, Trần Đức V2 đều trình bày:

Về quan hệ gia đình, huyết thống và việc ông Trần Văn X đã ký hợp đồng thầu cá số 02 ngày 01/01/2009 với HTX Hoàng K đúng như nguyên đơn và ông Trần Văn H1 đã trình bày. Các ông đều nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Lưu Thị H trả lại diện tích đất Đầm Tr cho gia đình các ông sử dụng theo như hợp đồng đã ký với HTX.

Ông Trần Văn V1 trình bày bổ sung ông không biết chữ nên chữ ký trong đơn thừa kế của gia đình không phải là chữ của ông. Ông Trần Văn Đ trình bày ông chưa bao giờ được ký vào đơn thừa kế hay thỏa thuận gì về tài sản thừa kế với các thành viên trong gia đình.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi liên quan đều nhất trí với lời trình bày nêu trên, không sửa đổi bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, người liên quan là ông Quách Công T trình bày:

Ông nhất trí toàn bộ lời trình bày, ý kiến và các nội dung khác mà vợ ông là bà Lưu Thị H đã trình bày, ông không sửa đổi hay trình bày bổ sung nội gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị được giải quyết xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Yên S, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; không hòa giải được và đã đưa ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang quyết định: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 115, 122, 127, 129, 131, 166, 483, 485, 609, 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, 166 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V đối với bà Lưu Thị H và ông Quách Công T về việc *Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất nhận thầu khoán và tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán vô hiệu.*

- Bà Lưu Thị H và ông Quách Công T phải trả lại cho bà Dương Thị V, anh Trần Văn H1, Trần Văn Đ, Trần Văn V1, Trần Đức V2 quyền sử dụng diện tích đất thuê khoán theo Hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009 đã ký giữa HTX NLN Hoàng K và ông Trần Văn X. Địa chỉ thửa đất tại Đầm Tr, thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S. Bao gồm 2 thửa đất là thửa số 16, tờ bản đồ số 9 bản đồ giải thửa 299 xã Hoàng K, diện tích đo đạc thực tế là 14.092m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....25, 26, 27, 1; và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 bản đồ giải thửa 299 xã Hoàng K, diện tích đo đạc thực tế là 4.941,5m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....12,13,14,1.

(Sơ đồ thửa đất được đính kèm theo bản án và là phần không tách rời bản án).

Tổng giá trị quyền sử dụng hai thửa đất là: 647.439.000đ *(Sáu trăm bốn mươi bẩy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)*.

- Tuyên thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán (đơn chuyển nhượng hợp đồng ngày 26/01/2022 và đơn chuyển nhượng đất ngày 26/01/2022) giữa ông Trần Văn H1 và bà Lưu Thị H, ông Quách Công T vô hiệu.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lưu Thị H và ông Quách Công T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Dương Thị V số tiền chi phí thẩm, định định giá là 20.700.000đ *(Hai mươi triệu bẩy trăm nghìn đồng)*. Chia ra mỗi người phải trả là 10.350.000đ *(Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, ngày 04/10/2023 Toà án nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Lưu Thị H với nội dung kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên S với nội dung: Hợp đồng vẫn còn hiệu lực, hợp đồng trả lại cho bà Dương Thị V tôi không đồng ý. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Pao: Cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà H, bà Ng: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hành vi của ông H1 có cấu thành tội phạm hình sự hay không, đề nghị cấp phúc thẩm tạm đình chỉ vụ án chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra Công an huyện Yên Sơn để giải quyết. Đề nghị xem xét tư cách khởi kiện của bà V bởi lẽ bà V chỉ là một trong những người thừa kế của ông Trần Văn X.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị H là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị H thấy rằng:

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lưu Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo: Ngày 25/9/2023, bị đơn bà Lưu Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo nêu trên là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện, xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng giao khoán số 02: ngày 01/01/2009, HTX Hoàng K ký hợp đồng thầu khoán với ông Trần Văn X. Thời hạn hợp đồng đến năm 2034, ông X đã nộp tiền thuê đất năm cuối cùng của hợp đồng để làm tiền cọc. Năm 2018 ông X chết, các thành viên (hàng thừa kế thứ nhất) của ông X tiếp tục sử dụng đất, kế thừa quyền và nghĩa vụ của hợp đồng. HTX Hoàng K xác định hợp đồng số 02 vẫn còn hiệu lực, hai bên thỏa thuận tiếp tục thực hiện hợp đồng. Được thể hiện tại biên bản giao hợp đồng quản lý và sử dụng Đầm Tr, Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q ngày 18/6/2021 giữa HTX Hoàng K với đại diện gia đình bà Dương Thị V là ông Trần Văn H1. Do vậy đủ căn cứ xác định giữa các bên vẫn mặc nhiên thừa nhận hiệu lực của hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009, để hộ gia đình bà Dương Thị V tiếp tục thực hiện quyền sử dụng đất Đầm Tr vào việc thầu chăn nuôi cá. Các bên không ký lại hợp đồng mới.

[2.2] Về diện tích đất thầu chăn nuôi cá tại Đầm Tr: Tại mục 1, Điều 1 hợp đồng số 02 ghi "HTX Hoàng K giao cho ông Trần Văn X được chăn nuôi cá tại Đầm Tr thôn Yên T với tổng diện tích là 20.520m^2". Tại biên bản giao diện tích đất Đầm Tr thôn Yên T ngày 02/01/2009 ghi: "HTX Hoàng K giao cho ông Trần Văn X toàn bộ diện tích của Đầm Tr là 20.520m^2", phần số thửa, số tờ bản đồ bỏ trống không ghi.

Kết quả xác minh xác định: Căn cứ bản đồ địa chính xã Hoàng K năm 1993 thể hiện đất Đầm Tr thuộc thôn Yên T, xã Hoàng K gồm 05 thửa đất là thửa đất số 16, diện tích 15.050m^2; thửa đất số 86, diện tích 5.925m^2; thửa số 6, diện tích 2.650m^2; thửa đất số 72, diện tích 7.795m^2; thửa 11 diện tích 860m^2. Do thửa đất số 11, diện tích 860m^2 hiện là một ao nuôi cá trong khuôn viên vườn nhà bà Dương Thị V, thửa đất này gia đình Bà V đã đóng thuế nông nghiệp, sử dụng ổn định từ trước thời điểm ký hợp đồng số 02, HTX Hoàng K xác định thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Dương Thị V, do đó đất Đầm Tr chỉ còn 04 thửa là thửa số 6,16,72 và 86. Nguyên đơn cho rằng tại biên bản giao đất ghi giao cho ông Trần Văn X toàn bộ diện tích đất Đầm Tr là bao gồm cả 04 thửa đất còn lại. HĐXX nhận định mặc dù hợp đồng số 02 và biên bản giao đất không ghi số thửa, số tờ bản đồ cho thuê nhưng có ghi diện tích cho thuê là 20.520m^2, trong hợp đồng đã ghi *"giao cho ông Trần Văn X được chăn nuôi cá tại Đầm Tr thôn Yên T với tổng diện tích là 20.520m^2"*, biên bản giao đất ghi giao toàn bộ diện tích Đầm Tr cần được hiểu giao theo diện tích đã ký trong hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông Ma Văn L và ông Tống Công Y nguyên là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm HTX Hoàng K giai đoạn năm 2009 đều xác nhận giao cho ông Trần Văn X thuê thầu Đầm Tr bao gồm 02 đầm nuôi cá ở gần nhà, hiện nay là thửa số 16 và thửa số 86. Khi giao đất do không có bản đồ nên phần số thửa, số tờ bản đồ bỏ trống chưa ghi. Diện tích đất giao thuộc thửa số 16 = 15.050m^2 và thửa số 86 = 5.925m^2. Tổng cộng là 20.975m^2, trong biên bản giao đất ghi theo số liệu đo tay là 20.520m^2, chênh lệch 455m^2 là sai số do đo thủ công. Mặt khác ngày 18/6/2021 giữa HTX Hoàng K với đại diện gia đình bà Dương Thị V là ông Trần Văn H1 đã lập biên bản xác định diện tích thầu nuôi cá, các bên cũng xác định diện tích thầu nuôi cá bao gồm 02 thửa là thửa số 16 và thửa số 86, HTX tiếp tục giao cho những người thừa kế của ông Trần Văn X sử dụng 02 đầm nuôi cá thuộc 02 thửa đất này. Như vậy đủ căn cứ xác định đối tượng thuê của hợp đồng số 02 bao gồm quyền sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 9 xã Hoàng K, huyện Yên S.

[2.3] Về hiện trạng diện tích đất nhận giao khoán.

Theo hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009 và như phân tích tại mục 2.2 nêu trên thì diện tích đất thầu chăn nuôi cá là thửa số 16, tờ bản đồ số 4 và thửa số 86 tờ bản đồ số 09, tổng diện tích theo ghi trên bản đồ địa chính xã Hoàng K là 20.975 m^2. Địa chỉ thửa đất: Thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q.

Kết quả thẩm định xác định: Thửa đất số 16 diện tích đo đạc thực tế là 14.092m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....25, 26, 27, 1. Thửa đất số 86 diện tích đo đạc thực tế là 4.941,5m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....12,13,14,1. Diện tích đất thửa số 16 chênh lệch giảm so với diện tích trên bản đồ địa chính là 958m^2; thửa 86 chênh lệch giảm là 983,5m2. Diện tích chênh lệch được xác định một phần do sai số khi đo đạc, một phần do các hộ dân tiếp giáp đất Đầm Tr và chủ thầu trong quá trình sử dụng đất đã tự ý trao đổi tạm thời để thuận tiện cho việc sử dụng. Các bên

không có tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại thực tế diện tích đất theo đo đạc. HTX Hoàng K xác định đất Đầm Tr cho thuê, khi hết thời hạn hoặc khi nhà nước thu hồi đất sẽ thu hồi lại diện tích đất theo bản đồ địa chính xã Hoàng K, trường hợp có lấn chiếm, trao đổi đất nếu không phù hợp theo quy định của pháp luật thì HTX sẽ có biện pháp giải quyết sau.

Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng có diện tích đất khai hoang khai phá xung quanh bờ Đầm Tr khoảng 7.000m^2 và có đường đi chung nối từ đường liên thôn vào nhà ở của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án xác định. Kết quả thẩm định xác định bờ Đầm Tr tiếp giáp đường đi hoặc đất các hộ gia đình khác, trên bản đồ không thể hiện diện tích đất bỏ hoang hóa, diện tích nguyên đơn cho rằng đất khai hoang chính là phần đất bờ Đầm Tr mà nguyên đơn đã được HTX cho thuê. Đối với đường đi là do ông Trần Văn X đắp đường từ khi ký hợp đồng thầu để thuận tiện cho việc đi lại trông coi đầm cá, diện tích đường đi thuộc đất Đầm Tr (thửa số 16) không phải là đường đi chung, không có trên bản đồ địa chính nhưng thực tế hộ gia đình Bà V đã làm nhà bên trong và là đường đi để nối giữa đường giao thông liên thôn với hộ gia đình.

[3] Về yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất thầu của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Hợp đồng thầu khoán số 02 đối với diện tích đất thầu khoán thửa 16 và thửa 86 vẫn còn hiệu lực, gia đình Bà V vẫn tiếp tục được sử dụng đất. Tuy nhiên năm 2022 bà Lưu Thị H và ông Quách Công T cũng vào sử dụng diện tích đất này. Trước đó, HTX giao hợp đồng và quyền quản lý Đầm Tr cho ông Trần Văn H1 là dựa trên đơn xin thừa kế ngày 13/12/2020 do ông H1 nộp có chữ ký thỏa thuận của các thành viên gia đình ông H1 để ông H1 sử dụng đất thuê theo Hợp đồng số 02.

Xét đơn thừa kế ngày 13/12/2020 thấy rằng hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn X bao gồm vợ là bà Dương Thị V, 04 người con gồm: Trần Văn H1, Trần Văn Đ, Trần Văn V1, Trần Đức V2. Văn bản thỏa thuận thừa kế vi phạm cả về nội dung và hình thức, không đúng quy định của pháp luật. Quá trình lấy lời khai các thành viên gia đình đều thừa nhận không được ký văn bản này, anh Trần Văn V1 không biết chữ nên không thể ký được, không có chữ ký của Trần Văn Đ trong văn bản, nội dung thỏa thuận không rõ ràng. Ông Trần Văn H1 là người giao nộp cho HTX Hoàng K văn bản này xác định đã tự ý ký thay các thành viên gia đình vào đơn xin thừa kế ngày 13/12/2020. Sau đó làm đơn chuyển nhượng hợp đồng vào ngày 26/01/2022 cho ông bà T H.

Xét đơn chuyển nhượng hợp đồng ngày 26/01/2022 có nội dung ghi: "tôi xin chuyển nhượng cho ông Quách Công T thôn Yên T xã Hoàng K cùng vợ là bà Lưu Thị H đồng quyền sử dụng hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009..". Như vậy ông H1 chuyển nhượng hợp đồng số 02 tức là quyền thầu Đầm Tr cho ông bà H Tùng. Tuy nhiên văn bản này không có chữ ký của bên nhận là ông bà T H, đồng thời do văn bản thỏa thuận (đơn xin thừa kế) ngày 13/12/2020 không đúng pháp luật nên ông H1 không có quyền chuyển nhượng hợp đồng thầu cho ông bà H Tùng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

[4.1] Xét nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán: Mặc dù văn bản chuyển nhượng giữa ông Trần Văn H1 và ông bà T H ghi là "Đơn xin chuyển nhượng" và "Đơn xin chuyển nhượng hợp đồng". Thực tế quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bên đều xác định bản chất là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán, các bên cũng đã thỏa thuận với nhau bằng lời nói, đơn chuyển nhượng là để gửi đến HTX làm căn cứ. Nội dung chuyển nhượng các bên xác định là chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán chăn nuôi cá tại Đầm Tr theo nội dung hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009 mà HTX đã ký với ông Trần Văn X.

[4.2] Xét hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán giữa ông Trần Văn H1 và ông bà T H : Do văn bản thỏa thuận thừa kế bị giả mạo chữ ký, không đầy đủ các hàng thừa kế tham gia, không rõ ràng, không đúng quy định của pháp luật nên ông Trần Văn H1 không phải là người được toàn quyền sử dụng kế thừa quyền của hợp đồng thầu khoán. Vì vậy ông H1 cũng không có quyền một mình thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán theo Hợp đồng số 02 cho bất cứ cá nhân tổ chức nào. Việc định đoạt phải bao gồm các thành viên thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn X quyết định.

Do đó thỏa thuận chuyển nhượng tại đơn chuyển nhượng và đơn xin chuyển nhượng hợp đồng ngày 26/01/2022 giữa ông Trần Văn H1 và bà Lưu Thị H, ông Quách Công T là vô hiệu. Các văn bản gồm: Đơn xin thừa kế ngày 13/12/2020; biên bản giao hợp đồng và quản lý Đầm Tr ngày 18/6/2021 giữa HTX với ông Trần Văn H1; biên bản giao hợp đồng và quản lý Đầm Tr ngày 28/01/2022 giữa HTX với bà Lưu Thị H vô hiệu, không phát sinh hiệu lực.

[5] Về giải quyết hậu quả hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu và bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết tại tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, giải thích về hậu quả hợp đồng vô hiệu và hỏi chị H, anh T có đề nghị giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu không thì cả chị H, anh T đều không đề nghị giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu do đó Tòa án cấp sơ không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu giành quyền khởi kiện vụ án khi đương sự có yêu cầu là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H đề nghị HĐXX phúc thẩm giải quyết luôn hậu quả hợp đồng vô hiệu là không phù hợp bởi lẽ nội dung này tại cấp sơ thẩm chị H anh T không đề nghị giải quyết nên việc vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo điều 293 Bộ luật TTDS, nên cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đề nghị này của chị H.

Toà án cấp sơ thẩm yêu cầu bà Lưu Thị H và ông Quách Công T trả lại cho gia đình bà Dương Thị V quyền sử dụng diện tích đất thuê khoán theo hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009 và tuyên văn bản chuyển nhượng diện tích đất Đầm Tr giữa ông Trần Văn H1 với bà Lưu Thị H vô hiệu là có căn cứ, tuy nhiên quyết định bản án không tuyên rõ nội dung không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu đối với anh T, chị H là thiếu sót, cấp phúc thẩm bổ sung nội dung này cho đầy đủ.

Đối với tài sản trên đất: Sau khi nhận chuyển nhượng và có biên bản giao hợp đồng và quản lý Đầm Tr của HTX, bà Lưu Thị H, ông Quách Công T làm 01 chòi trông cá tạm cột tre, vách nứa, lợp proximăng, nền đất, diện tích 9m^2, có thể tháo

dỡ được, giá trị theo kết luận định giá là 2.700.000đ (*Hai triệu bẩy trăm nghìn đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, buộc bà Lưu Thị H tháo dỡ các công trình trên đất để trả lại mặt bằng đất cho gia đình Bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đang cho máy xúc gạt cải tạo đáy đầm và đắp bờ, mặc dù trước đó UBND xã Hoàng K và Tòa án đã có yêu cầu tạm dừng việc cải tạo sử dụng đất để chờ kết quả giải quyết. Do chưa có yêu cầu gì đối với phần tài sản này nên HĐXX không xem xét là đúng quy định.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra công an huyện Yên Sơn điều tra xem xét hành vi có dấu hiệu tội phạm của ông Trần Văn H1, và đề nghị giám định chữ viết trong đơn xin thừa kế hợp đồng Đầm Tr HĐXX thấy rằng: Tại đơn đề nghị giám định chữ viết chữ ký của chị Lưu Thị H đề nghị giám định có phải chữ viết chữ ký của ông Trần Văn H1 ký và viết trong đơn xin thừa kế Đầm Tr hay không, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn H1 thừa nhận chữ viết chữ ký trong đơn xin thừa kế thầu Đầm Tr là chữ viết chữ ký của ông H1, đồng thời thừa nhận tự ý ký thay cho những người khác vào cuối đơn do vậy đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Đơn xin thừa kế thầu Đầm Tr không có đầy đủ chữ ký của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn X do vậy không đủ điều kiện có hiệu lực nên vẫn vô hiệu do vậy không chấp nhận đề nghị giám định của chị Lưu Thị H; Hành vi ký giả chữ ký của ông Trần Văn H1 HĐXX thấy chưa đủ căn cứ xác định hành vi này có dấu hiệu tội phạm, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền cho của bị đơn Lưu Thị H.

Đối với đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc xác định tư cách khởi kiện của bà Dương Thị V có đủ điều kiện khởi kiện hay không, HĐXX thấy rằng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà V là vợ ông X, Hợp đồng số 02 do ông X ký nhận khoán, nay ông X chết không có di chúc, Bà V là một trong những người thừa kế theo pháp luật của ông X, do vậy Bà V có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật, không có căn cứ chấp nhận đề nghị này của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

Từ những phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận bà Lưu Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

I/ Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2023/DS-ST, ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Áp dụng các Điều 115, 122, 127, 129, 131, 166, 483, 485, 609, 649, 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 5, 166 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V đối với bà Lưu Thị H và ông Quách Công T về việc *Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất nhận thầu khoán và tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán vô hiệu.*

- Bà Lưu Thị H và ông Quách Công T phải trả lại cho bà Dương Thị V, anh Trần Văn H1, Trần Văn Đ, Trần Văn V1, Trần Đức V2 quyền sử dụng diện tích đất thuê khoán theo Hợp đồng số 02 ngày 01/01/2009 đã ký giữa HTX NLN Hoàng K và ông Trần Văn X. Địa chỉ thửa đất tại Đầm Tr, thôn Yên T, xã Hoàng K, huyện Yên S. Bao gồm 2 thửa đất là thửa số 16, tờ bản đồ số 9 bản đồ giải thửa 299 xã Hoàng K, diện tích đo đạc thực tế là 14.092m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....25, 26, 27, 1 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 4 bản đồ giải thửa 299 xã Hoàng K, diện tích đo đạc thực tế là 4.941,5m^2 được thể hiện bởi các điểm nối liền liên tục khép kín từ 1,2,3....12,13,14,1.

(Sơ đồ thửa đất được đính kèm theo bản án và là phần không tách rời bản án).

Tổng giá trị quyền sử dụng hai thửa đất là: 647.439.000đ *(Sáu trăm bốn mươi bẩy triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng)*.

- Tuyên thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thầu khoán (đơn chuyển nhượng hợp đồng ngày 26/01/2022 và đơn chuyển nhượng đất ngày 26/01/2022) giữa ông Trần Văn H1 và bà Lưu Thị H, ông Quách Công T vô hiệu.

Không giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu đối với bà Lưu Thị H và ông Quách Công T.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lưu Thị H và ông Quách Công T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Dương Thị V số tiền chi phí thẩm định, định giá là 20.700.000đ *(Hai mươi triệu bẩy trăm nghìn đồng).* Chia ra mỗi người phải trả là 10.350.000đ *(Mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).*

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Trần Văn H1 phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự không có giá ngạch do hợp đồng bị tuyên vô hiệu, ông Quách Công T và bà Lưu Thị H phải liên đới chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự không có giá ngạch do hợp đồng bị tuyên vô hiệu, chia ra ông T và bà H mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

Ông T và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị V được chấp nhận, tổng số tiền là 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) chia ra ông T , bà H mỗi người phải chịu 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

II/ Về án phí phúc thẩm: bà Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000964 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/02/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND huyện Yên S;
- CC THA DS huyện Yên S;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu HS vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Ngọc Trung